Ủy ban nhân dân
tỉnh Tây Ninh
27.10.2023
14:31:52 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3367/KH-UBND	*Tây Ninh, ngày 25 tháng 10 năm 2023*

KẾ HOẠCH
Phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã năm 2024

Căn cứ Công văn số 4879/BKHĐT-HTX ngày 23/6/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã năm 2024;

Căn cứ Công văn số 336/LMHTXVN-KHHT ngày 14/7/202 của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam về kế hoạch, nhiệm vụ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã năm 2024;

UBND tỉnh Tây Ninh đánh giá các kết quả đạt được năm 2023 và xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã năm 2024 với các nội dung chủ yếu sau:

Phần thứ nhất
ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ NĂM 2023

I. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ NĂM 2023

1. Đánh giá hoạt động sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

a) Về số lượng, doanh thu và thu nhập của hợp tác xã, tổ hợp tác

- ***Hợp tác xã (HTX):*** Ước đến 31/12/2023, toàn tỉnh có 183 HTX - đạt 97,3% so với kế hoạch, trong đó 173 HTX đang hoạt động, ngừng hoạt động 10 HTX, thành lập mới 12 HTX (đạt 80% kế hoạch) và giải thể 7 HTX (tăng 40% so với kế hoạch).

Ước doanh thu bình quân của 01 HTX 8.700 triệu đồng/năm, đạt 57,6% so với kế hoạch . Lãi bình quân của HTX 350 triệu đồng/năm, tăng 01% so với kế hoạch.

Số HTX hoạt động hiệu quả: 104/173 HTX đang hoạt động, chiếm 60%.

- ***Tổ hợp tác (THT):*** Ước đến 31/12/2023, toàn tỉnh có 130 THT, đạt 97% so với kế hoạch. Trong đó, thành lập mới 10 THT, giải thể 02 THT. Doanh thu bình quân của 01 THT 500 triệu đồng, đạt 91% so với kế hoạch. Lãi bình quân của 01 THT là 104 triệu đồng, đạt 94,5% so với kế hoạch.

b) Về thành viên, lao động của HTX, THT

- ***Hợp tác xã:*** Tổng số thành viên HTX là 38.496 thành viên, đạt 94,6% so với kế hoạch. Tổng số thành viên mới gia nhập HTX là 2.164 thành viên *(tín dụng 1.260; giao thông 450; nông nghiệp 454)*, tổng số thành viên ra khỏi HTX là 638 thành viên.

Tổng số lao động thường xuyên trong khu vực kinh tế tập thể là 7.800 người, đạt 92,7% so với kế hoạch, trong đó số lao động đồng thời là thành viên là 2.380 người *(tín dụng 260 người, nông nghiệp 1.500 người, vận tải 310 người, công thương 210 người, VSMT 100 người).*

Thu nhập bình quân của 01 lao động làm việc thường xuyên trong HTX là 74 triệu đồng/năm, đạt 89,15% so với kế hoạch.

- ***Tổ hợp tác:*** Tổng số thành viên của THT là 2.660 thành viên, đạt 96,3% so với kế hoạch; trong đó có 100 thành viên mới.

Số lao động làm việc thường xuyên trong THT chủ yếu là thành viên tổ với mức thu nhập trung bình của thành viên THT là 100 triệu đồng/năm.

c) Về trình độ cán bộ quản lý HTX

Tổng số cán bộ quản lý HTX: 825 người, trong đó:

- Tổng số cán bộ quản lý HTX đạt trình độ sơ cấp, trung cấp là 367 người, chiếm 44,4%/tổng số cán bộ quản lý, đạt 91,7% so với kế hoạch.

- Tổng số cán bộ quản lý HTX đạt trình độ cao đẳng, đại học: 279 người, chiếm 33,8%/tổng số cán bộ quản lý, đạt 93% so với kế hoạch.

2. Đánh giá theo lĩnh vực

2.1. Hợp tác xã

a) Lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp (gọi chung HTX nông nghiệp)

Ước đến 31/12/2023, toàn tỉnh có 120 HTX nông nghiệp *(thành lập mới 12 HTX, giải thể 06 HTX)*, tăng 6 HTX so với cùng kỳ, trong đó: 31 HTX trồng trọt, 07 HTX chăn nuôi, 02 HTX nuôi trồng thủy sản, 10 HTX dịch vụ thủy lợi, 70 HTXNN tổng hợp; số HTX nông nghiệp hoạt động hiệu quả 84/120 HTX, chiếm 70%; 25/120 HTX ứng dụng công nghệ cao; 80/120 HTX tham gia chuỗi liên kết. Số thành viên là 3.880 thành viên *(trong đó 454 thành viên mới và 210 thành viên ra khỏi HTX)*. Số lượng lao động 1.600 lao động.

Doanh thu bình quân là 950 triệu đồng/năm/HTX; lãi bình quân là 350 triệu đồng/năm/HTX; thu nhập bình quân lao động thường xuyên trong HTX nông nghiệp là khoảng 60 - 70 triệu đồng/lao động/năm *(khoảng 5,5-6,5 triệu đồng/tháng/người)*.

Các HTX ngày càng chú trọng mở rộng dịch vụ và nâng cao chất lượng phục vụ. Từ chỗ chỉ thực hiện các dịch vụ chăm sóc và thu hoạch, một số HTX đã tăng cường thêm các dịch vụ như cung ứng giống vật nuôi, cây trồng; cung ứng vật tư, phân bón, thức ăn và thuốc bảo vệ thực vật; dịch vụ tiêu thụ sản phẩm... Nhờ đó, số lượng thành viên tham gia HTX ngày càng nhiều, tỷ lệ thành viên sử dụng dịch vụ ngày càng cao, dẫn đến hiệu quả hoạt động của HTX ngày tốt hơn, đời sống thành viên ngày một cải thiện từng bước góp phần xây dựng nông thôn mới.

Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn nhiều hợp tác xã nông nghiệp đang ở trong tình trạng bị động về mô hình, lĩnh vực hoạt động, quy mô dịch vụ ở mức độ thấp, chưa đáp ứng hết nhu cầu của thành viên và nông dân trong vùng, vì vậy lợi ích tạo ra từ các HTX chưa đáng kể như HTX dịch vụ thủy lợi.

b) Lĩnh vực công thương

Ước đến 31/12/2023, toàn tỉnh có 25 HTX công thương *(6 HTX công nghiệp, 19 HTX thương mại)*, giảm 01 HTX so với cùng kỳ do giải thể. Số lượng thành viên là 340.

Hoạt động chính của các HTX công thương là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ tre, tầm vông; gia công sản phẩm may mặc, sản xuất gỗ lạng ván ép; quản lý và kinh doanh khai thác chợ. Những năm gần đây, mô hình HTX chợ trên địa bàn tỉnh mới bắt đầu hình thành và từng bước đi vào hoạt động, phát triển và lan rộng các địa phương. Do đó, các hoạt động cũng chỉ dừng lại ở việc cho thuê kiot, cung ứng dịch vụ cho tiểu thương mua bán, kinh doanh xuất nhập khẩu các mặt hàng nông sản và mặt hàng thiết yếu khác. Đến nay, các HTX này vẫn hoạt động ở mức độ trung bình. Quy mô sản xuất kinh doanh của các HTX công thương có sự khác nhau tùy theo lĩnh vực kinh doanh cụ thể nhưng chủ yếu thuộc mức nhỏ và vừa.

c) Lĩnh vực tín dụng

Toàn tỉnh hiện có 18 Quỹ tín dụng nhân dân (TDND), không có phát triển mới, có 25.926 thành viên *(trong đó 1.260 thành viên mới và 338 thành viên ra khỏi QTD),* tăng 922 thành viên so với cùng kỳ *(CK 25.004 thành viên).* Tổng nguồn vốn huy động đến cuối năm 2023 của các Quỹ TDND là 2.166 tỷ đồng, tăng 3,9% *(82 tỷ đồng)* so với năm 2022 *(2.084 tỷ đồng)*. Tổng dư nợ cho vay đến cuối năm 2023 là 2.244 tỷ đồng, tăng 3,7% *(80 tỷ đồng)* so năm 2022 *(2.164 tỷ đồng)*. Nợ xấu chiếm tỷ lệ 01%/tổng dư nợ.

Doanh thu của 18 Quỹ TDND đạt đến cuối năm 2023 là 280 tỷ đồng, bình quân 15,56 tỷ đồng/Quỹ, hầu hết doanh thu của Quỹ là từ thành viên. Chênh lệch thu nhập trừ chi phí của 18 Quỹ đạt 33,7 tỷ đồng, giảm *19,3 % (8,1 tỷ đồng)* so với năm 2022 *(41,8 tỷ đồng)*, không có chênh lệch âm *(18 Quỹ TDND hoạt động có hiệu quả)*. Lợi nhuận giảm so với năm 2022 do chính sách điều chỉnh giảm lãi suất cho vay nhằm hỗ trợ thành viên vượt qua khó khăn trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế trong nước. Thu nhập đối với thành viên là người lao động thường xuyên tại các Quỹ tương đối ổn định, bình quân 138 triệu đồng/năm, tương đương năm 2022.

Các Quỹ TDND có tổ chức bộ máy, công tác điều hành, quản lý chặt chẽ, cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Phương thức hoạt động của Quỹ linh hoạt, kịp thời, hoạt động cho vay đúng mục đích nên phát huy được hiệu quả, tỷ lệ nợ xấu dưới mức quy định. Các chỉ tiêu cơ bản như: nguồn vốn huy động, dư nợ, kết quả kinh doanh đảm bảo, lãi không ngừng được tăng lên.

d) Lĩnh vực vận tải

Đến 31/12/2023, toàn tỉnh có 16 HTX giao thông vận tải *(15 HTX hoạt động vận tải đường bộ và 01 HTX hoạt động vận tải đường thủy)*, không có thành lập mới và giải thể. Tổng số thành viên hợp tác xã là 8.300 thành viên *(trong đó có 450 thành viên mới, 90 thành viên ra khỏi hợp tác xã)*, với 10.000 phương tiện vận tải đường bộ và 4 phà chở khách.

Tổng số lao động thường xuyên trong hợp tác xã gồm có 350 người, trong đó có 40 lao động thường xuyên mới, 310 lao động là thành viên hợp tác xã.

Doanh thu bình quân một hợp tác xã 7.700 triệu đồng/năm *(trong đó doanh thu của hợp tác xã với thành viên: 5.500 triệu đồng/năm);* Lãi bình quân một hợp tác xã 400 triệu đồng/năm; Thu nhập bình quân của lao động thường xuyên trong hợp tác xã 75 triệu đồng/năm.

- Nhìn chung, năng lực vận tải của HTX dần được nâng lên, thông qua việc huy động vốn, tài sản, phương tiện của xã viên, đổi mới phương thức tổ chức quản lý của HTX. Các HTX vận tải đã tăng dần và chất lượng hoạt động cũng ngày càng được đổi mới, phát triển. Nhiều HTX đã ứng dụng khoa học công nghệ trong tổ chức, điều hành hoạt động vận tải. 100% phương tiện tham gia hoạt động kinh doanh vận tải của các HTX đều lắp đặt thiết bị giám sát hành trình. Đa số các HTX vận tải đã được hướng dẫn và thực hiện tốt trình tự đăng ký nộp hồ sơ đối với các loại thủ tục hành chính có liên quan đến hoạt động kinh doanh vận tải. Hoạt động của các HTX đã góp phần tạo thuận lợi trong việc huy động phương tiện vận tải tư nhân và hộ cá thể, ổn định tổ chức vận tải ở địa phương.

NHìn chung các hợp tác xã vận tải trên địa bàn tỉnh hiện nay đang hoạt động chủ yếu theo mô hình dịch vụ hỗ trợ, chưa quản lý sản xuất kinh doanh vận tải; việc nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải, tạo uy tín, thương hiệu của HTX để có thể cạnh tranh với các loại hình doanh nghiệp còn hạn chế; Quy mô các hợp tác xã còn hạn chế, sức cạnh tranh chưa cao, trình độ quản lý, khả năng nắm bắt thông tin để vận dụng còn hạn

chế, thiếu năng động, sáng tạo; Hợp tác xã chưa thu hút được người trẻ và người có trình độ tham gia.

đ) Lĩnh vực khác (lĩnh vực vệ sinh môi trường)

Tính đến 31/12/2023, toàn tỉnh có 04 HTX môi trường, không có thành lập mới và giải thể. Tổng số thành viên là 50 thành viên. Các HTX vệ sinh môi trường trên địa bàn tỉnh chỉ hoạt động nhỏ và ở mức trung bình, hoạt động chủ yếu là quét dọn, thu gom rác thải, rút hầm cầu và khai thông cống rãnh.

2.2. Tổ hợp tác

a) Lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp: Tính đến 31/12/2023, toàn tỉnh có 104 THT nông nghiệp với 2.000 thành viên, trong đó: 50 THT trồng trọt, 18 THT chăn nuôi, 15 THT nước sạch, 03 THT thủy sản và 15 THT, ngừng hoạt động 03 THT. Các THT chủ yếu tổ chức các dịch vụ phục vụ thành viên và các hộ nông dân tại địa phương. Doanh thu THT chủ yếu là doanh thu của thành viên, trung bình 500 triệu đồng/năm, lãi bình quân của THT: 100 triệu đồng/năm. Thu nhập bình quân của lao động làm việc thường xuyên trong THT: 60 triệu đồng/người/năm.

Mô hình THT nông nghiệp chủ yếu dựa trên nhu cầu người dân có chung mục đích, cần hợp tác. THT không có pháp nhân, việc quản lý điều hành đơn giản do đó tổ chức THT thiếu tính chặc chẽ, tính ràng buộc thấp, không ổn định và bền vững.

b) Lĩnh vực công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp: Tính đến 31/12/2023, toàn tỉnh có 26 THT hoạt động trên lĩnh vực công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp với 660 thành viên. Hoạt động chính của các THT là mây tre đan lát, làm chổi, may gia công, sản xuất bánh tráng, điện mặt trời... Thu nhập trung bình của hộ thành viên THT là 70 triệu đồng/năm, lợi nhuận bình quân của 01 THT là 120 triệu đồng/01 THT/năm.

Xuất phát từ nhu cầu của kinh tế hộ và điều kiện phát triển kinh tế ở địa phương, nhiều THT được thành lập từ các Chương trình, dự án của các ngành chuyên môn, của địa phương và các đoàn thể. Các THT được thành lập và hoạt động với nhiều hình thức, nội dung phong phú trên các ngành, lĩnh vực với nhiều tên gọi khác nhau để các thành viên hợp tác cùng nhau sản xuất, tiết kiệm chi phí, công cụ lao động, tiếp nhận kỹ thuật và kinh nghiệm sản xuất, tăng sức cạnh tranh, hạn chế sản xuất nhỏ lẻ, manh mún. Qua đó, các thành viên hợp tác, cùng nhau góp vốn, thực hiện vay vốn, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh, tận dụng các nguồn lực đất đai, nguyên liệu, vốn, lao động tại địa phương, tạo tiền đề cho cách làm ăn mới, hướng tới sản xuất theo nhu cầu của thị trường, giải quyết việc làm, tăng thu nhập và nâng cao đời sống cho các hộ nông dân.

3. Tác động của HTX, THT tới thành viên, kinh tế hộ thành viên

Những năm gần đây, khu vực KTTT của tỉnh có những chuyển biến tích cực, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh, cụ thể:

- Hiệu quả về kinh tế: KTTT đã thực sự thúc đẩy kinh tế hộ phát triển, thông qua việc mở rộng sản xuất, các HTX đã trở thành một kênh huy động nguồn lực, góp phần phát triển ngành nghề, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đặc biệt trong nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Số HTX hoạt động có hiệu quả đã làm tốt công tác giải quyết các mối quan hệ sản xuất ở vùng nông thôn, giữa KTTT với kinh tế hộ gia đình và là một thành phần kinh tế quan trọng đối với phát triển Nông nghiệp - Nông thôn.

- Hiệu quả về xã hội: HTX được thành lập không chỉ vì mục tiêu lợi nhuận mà còn vì mục tiêu xã hội, phát triển cộng đồng. Mô hình HTX đã tạo việc làm cho hàng nghìn lao động tại địa phương, góp phần nâng cao thu nhập, ổn định trật tự xã hội xây dựng nông thôn mới ở địa phương.

4. Một số mô hình hoạt động hiệu quả theo phương thức sản xuất gắn với chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao

- Mô hình hỗ trợ liên kết thực hiện Dự án phát triển chăn nuôi gắn với tiêu thụ bò thịt - bò sinh sản trên địa bàn thị xã Trảng Bàng: chủ đầu tư là Hợp tác xã dịch vụ chăn nuôi - trồng trọt - sơ chế và đóng gói Hiệp Phát thực hiện trên địa bàn 03 phường: Lộc Hưng, An Tịnh, Gia Lộc thuộc thị xã Trảng Bàng, quy mô liên kết: 38 bò cái sinh sản và 182 bò thịt.

- Mô hình liên kết phát triển vùng nguyên liệu trồng lúa gắn tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn ấp 2, xã Bàu Đồn do Hợp tác xã giống cây trồng và dịch vụ nông nghiệp xã Bàu Đồn làm chủ trì liên kết hỗ trợ 03 vụ sản xuất; HTX nông nghiệp Truông Mít liên kết với Công ty TNHH Kinh doanh Đầu tư Phát triển Công nghệ Nam Việt sản xuất nấm ăn và nấm dược liệu áp dụng áp dụng quy trình sản xuất theo hướng hữu cơ *(Organic)* và một số HTX điển hình: Hợp tác xã rau an toàn Long Mỹ; Hợp tác xã mãng cầu Thạnh Tân, Hợp tác xã cây ăn trái Bàu Đồn, Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Phúc Lợi,...;

- Các HTXNN sử dụng ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, có liên kết với doanh nghiệp, nông dân để triển khai thực hiện các hoạt động dịch vụ phục vụ nhu cầu của thành viên, các hộ nông dân tại địa phương về hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn, được tư vấn, đào tạo áp dụng cho việc xây dựng hồ sơ theo chứng nhận tiêu chuẩn VietGAP, cấp Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp TCVN về chăn nuôi VietGAHP.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VÀ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ

1. Kết quả thực thi pháp luật và các văn bản có liên quan

Trong năm 2023, tỉnh đã ban hành các văn bản triển khai thực hiện chính sách phát triển KTTT, HTX:

- Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 128-KH/TU ngày 04/01/2023 về thực hiện Nghị quyết số 20-NQ-TW ngày 16/6/2022 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới.

- UBND tỉnh ban hành: Quyết định số 873/QĐ-UBND ngày 07/4/2023 về Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ-TW ngày 16/6/2022 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới; Kế hoạch số 1279/KH-UBND ngày 19/4/2022 về Đổi mới phương thức kinh doanh tiêu thụ nông sản giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Dự kiến cuối năm 2023, UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2023-2025.

- Kế hoạch số 2653/KH-BCĐ ngày 22/8/2023 của Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã tỉnh về hoạt động của Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã tỉnh Tây Ninh năm 2023.

Đồng thời, tiếp tục tổ chức triển khai, phổ biến các chính sách pháp luật về hợp tác xã tới toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân, ban hành và thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể. Công tác phổ biến pháp luật được thực hiện thông qua nhiều hình thức tuyên truyền, phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng và lồng ghép tại các cuộc Hội nghị, Hội thảo, họp sơ kết, tổng kết về tình hình thực hiện kinh tế tập thể. Trong năm, tỉnh đã phát hành 6 kỳ bản tin KTTT với số lượng 6.000 bản tin kinh tế tập thể tỉnh Tây Ninh; tổ chức 6 lớp tập huấn kiến thức kinh tế tập thể cho cán bộ quản lý nhà nước cấp huyện, cấp xã; Phóng sự tuyên truyền trên Đài Phát thanh Truyền hình và Trung tâm Truyền thanh huyện, thị xã, thành phố nhằm tuyên truyền sâu rộng về những nguyên tắc, giá trị, bản chất của HTX, vai trò của kinh tế tập thể góp phần xây dựng nông thôn mới; những mô hình tiên tiến, cách làm hay trong công tác quản lý nhà nước về kinh tế tập thể.

2. Công tác quản lý nhà nước về kinh tế tập thể

Ban chỉ đạo đổi mới, phát triển KTTT, HTX tỉnh đã kiện toàn củng cố thành viên Ban chỉ đạo tại Quyết định số 1174/QĐ-UBND ngày 29/5/2023 của UBND tỉnh; trong đó Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Chỉ đạo là Sở Kế hoạch Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Liên minh Hợp tác xã tỉnh làm Phó Trưởng Ban và 15 thành viên là đại diện Sở, ngành.

Tỉnh tiếp tục thực hiện Quyết định số 55/2015/QĐ-UBND về quy chế phối hợp trong phát triển KTTT trên địa bàn tỉnh. Theo đó, giao Sở Kế hoạch Đầu tư làm đầu mối tham mưu thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với khu vực kinh tế tập thể; các Sở, ngành căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn tham mưu UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các đơn vị kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh. Cơ quan hỗ trợ trực tiếp khu vực KTTT là Liên minh Hợp tác xã tỉnh - Phó Trưởng Ban chỉ đạo tổ chức ký kết Kế hoạch với các Sở, ngành và UBND cấp huyện về công tác phối hợp nâng cao hiệu quả hoạt động các tổ chức kinh tế tập thể, phối hợp giải quyết những khó khăn vướng mắc phát sinh, kịp thời báo cáo, tham mưu UBND tỉnh. Đối với cấp huyện, xã đa số các địa phương không có cán bộ chuyên trách lĩnh vực KTTT, chủ yếu là công chức các phòng tài chính - kế hoạch cấp huyện và cán bộ phụ trách lĩnh vực Kế hoạch - Giao thông - Thủy lợi cấp xã kiêm nhiệm.

3. Kết quả triển khai chính sách hỗ trợ, ưu đãi HTX

- Về chính sách bồi dưỡng, đào tạo cán bộ HTX và thành lập mới HTX: Trong năm, có 05/12 HTX được hỗ trợ thành lập mới *(05 HTX TLM hoàn chỉnh hồ sơ)*; tổ chức 06 lớp tập huấn bồi dưỡng kiến thức KTTT, 06 lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ HTX với 1.460 lượt cán bộ quản lý nhà nước và cán bộ quản lý, thành viên làm công tác nghiệp vụ tại các THT, HTX tham dự; 04 cán bộ quản lý, thành viên làm công tác nghiệp vụ tại các HTX được hỗ trợ học phí đào tạo. Tổng kinh phí ước thực hiện là 545 triệu đồng.

- Chính sách hỗ trợ xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu, tuyên truyền, hỗ trợ KTTT: Xây dựng Phóng sự phát trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Đài Truyền thanh cấp huyện tuyên truyền chủ trương, chính sách hỗ trợ phát triển và các mô hình HTX làm ăn có hiệu quả nhằm tạo sức lan tỏa trong nhân dân.

- Chính sách hỗ trợ về xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường: Trong năm, Tỉnh có 03 hoạt động xúc tiến thương mại riêng cho khu vực KTTT với tổng kinh phí là 200 triệu đồng *(01 hoạt động tham gia Hội chợ triển lãm ngành do Liên minh HTX Việt Nam*

tổ chức và 02 hoạt động đi khảo sát và tìm kiếm mở rộng thị trường với 20 lượt HTX tham dự).

- *Chính sách hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng; chế biến sản phẩm:* Trong năm, khu vực KTTT tỉnh không có dự án hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng; chế biến sản phẩm mới, chủ yếu tiếp tục theo dõi, hoàn thiện 03 dự án của 03 HTX đã được hỗ trợ năm 2022.

- *Chính sách về ứng dụng khoa học và công nghệ mới:* Thông qua chính sách hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ, nhiều THT, HTX áp dụng quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGap cho rau an toàn, sản phẩm lúa và được chứng nhận. Năm 2023, 02 sản phẩm của 02 THT được hỗ trợ đạt chuẩn VietGAP *(THT trồng sầu riêng ấp Xóm Đồng, xã Thanh Phước, huyện Gò Dầu; THT cây ăn quả gồm sầu riêng và bưởi thuộc xã Phước Thạnh, xã Thạnh Bình, huyện Tân Biên)*. Ngoài ra, tỉnh thường xuyên chỉ đạo các đơn vị có liên quan quan tâm củng cố, tạo điều kiện cho các HTX được sử dụng, khai thác nhãn hiệu hàng hóa và chỉ dẫn địa lý do tỉnh hỗ trợ xây dựng: mãng cầu Bà Đen, bánh tráng phơi sương Trảng Bàng và muối ớt Tây Ninh.

- *Chính sách tiếp cận vốn và Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã:* Trong năm, ước có 09 dự án của các HTX, THT trên địa bàn được vay vốn từ Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã Trung ương và Tỉnh với số tiền là 6,5 tỷ đồng để phát triển sản xuất kinh doanh.

- *Chính sách giao đất, cho thuê đất:* Trong năm 2023, HTX, THT trên địa bàn tỉnh chưa có HTX được tiếp cận chính sách giao đất, cho thuê đất.

- *Chính sách hỗ trợ liên hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp:* Tỉnh đã lồng ghép thực hiện các chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn của tỉnh giúp các HTXNN có cơ hội duy trì, mở rộng sản xuất kinh doanh, như sau:

+ Hỗ trợ các HTXNN đăng ký mã số vùng trồng[1], đóng gói[2] và truy xuất nguồn gốc (KIPUS), phòng trừ dịch hại trên cây trồng, chuyển đổi số trong sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã nông nghiệp[3], xây dựng nhãn hiệu sản phẩm đạt chứng nhận sản phẩm OCOP[4]; đã thực hiện hỗ trợ chứng nhận VietGAP cho sản phẩm của 06 HTXNN và nhãn hiệu tập thể của 01 HTXNN[5], chuyển giao và thực hiện các mô hình khuyến

---

[1] Hỗ trợ và duy trì 12 mã số vùng trồng xuất khẩu trái cây (508 ha), sang thị trường Trung Quốc (11), Hoa Kỳ (01) cụ thể: 02 mã vùng trồng chuối với diện tích 175 ha; 02 mã vùng trồng mít với diện tích 95 ha; 04 mã số vùng trồng xoài với diện tích 113 ha; 03 mã số vùng trồng nhãn với diện tích 80 ha; 01 mã số vùng trồng với diện tích 45 ha.

[2] 03 mã số cơ sở đóng gói xuất khẩu chuối sang Trung Quốc.

[3] 54 cơ sở tham gia truy xuất nguồn gốc phần mềm KIPUS với diện tích 219,28 ha trên địa bàn các huyện, thành phố: Tân Biên với diện tích 139,2 ha; Gò Dầu với diện tích 30,68 ha; Dương Minh Châu với diện tích 26,7 ha; thành phố Tây Ninh với diện tích 10,6 ha; Châu Thành với diện tích 8,5 ha; Tân Châu với diện tích 3,6 ha. Trên cây trồng chủ lực như: Bưởi, mít, sầu riêng, chanh giấy, nhãn ido, mãng cầu, xoài. Đã kích hoạt 35.892 tem cho các cơ sở nhập dữ liệu phần mềm truy xuất nguồn gốc, trong đó có HTX xoài tứ quý Thạnh Bắc với 4.374 tem, HTX mãng cầu Thạnh Tân với 171 tem; hỗ trợ 51 HTXNN, THTNN tham gia tập huấn chuyển đổi số trong sản xuất kinh doanh nông nghiệp (phần mềm nhật ký sản xuất FaceFarm và kế toán hợp tác xã WACA); tổ chức 09 cuộc (01 cuộc/huyện) triển khai đến UBND xã, phường, thị trấn, HTX, THT và lồng ghép nội dung triển khai vào 67 lớp tập huấn nông dân về phòng trừ dịch hại cây trồng trên địa bàn tỉnh.

[4] Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 68 sản phẩm đạt chuẩn OCOP, trong đó có 4 HTXNN đạt chuẩn sản phẩm OCOP: HTX Cây ăn trái Bàu Đồn, huyện Gò Dầu (Sầu riêng đạt 04 sao); HTX DVNN Minh Trung, huyện Tân Châu (Quả Mãng Cầu đạt 04 sao); HTX DVNN Phước Đông, huyện Gò Dầu (Chanh giấy đạt 03 sao); HTX DV Thủy lợi nông nghiệp Hưng Thuận, thị xã Trảng Bàng (Gạo ST 25 đạt 03 sao).

[5] Năm 2022: 06 sản phẩm tiêu chuẩn VietGAP cụ thể như: HTX dịch vụ nông nghiệp Phước Đông (Chanh, Bưởi); HTX dịch vụ nông nghiệp Minh Trung (Mãng Cầu); HTX dịch vụ Thủy lợi Nông nghiệp Hưng Thuận (Lúa); Hợp tác xã dịch vụ Nông nghiệp Phước Hòa (Lúa); HTX dịch vụ sản xuất thủy đặc sản Tân Hòa (Ba ba); HTX dịch vụ nông nghiệp Chà Là (Bò); Sầu riêng HTX cây ăn trái Bàu Đồn có nhãn hiệu tập thể; 06 tháng đầu năm 2023: 02 sản phẩm đạt chuẩn VietGAP của Tổ hợp tác trồng sầu riêng ấp Xóm Đồng, xã Thanh Phước, huyện Gò Dầu và Tổ hợp tác cây ăn quả Phước Thạnh, xã Thạnh Bình, huyện Tân Biên (Sầu riêng, Bưởi).

nông khoa học công nghệ cho HTXNN, thành viên HTXNN[6]; hàng năm kinh tế tập thể đóng góp khoảng 8% vào giá trị của ngành nông nghiệp.

+ Hỗ trợ được 09 dự án, gồm: 04 dự án liên kết chăn nuôi bò; 04 dự án liên kết trồng lúa và 01 dự án liên kết trồng nấm (01 dự án liên kết lúa cấp tỉnh và 08 dự án cấp huyện) tại các huyện, thị xã, thành phố: Trảng Bàng, Gò Dầu, Bến Cầu, Châu Thành, Dương Minh Châu và thành phố Tây Ninh diện tích 2.230,9 ha, 850 con bò, 967 hộ; tổng kinh phí hỗ trợ 12.869,6/30.315,8 triệu đồng, đạt 42%; đang thẩm định dự án liên kết trồng dưa lưới ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao đạt tiêu chuẩn VietGAP trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, diện tích 3,56 ha, 09 hộ của Hợp tác xã Thương mại Dịch vụ nông nghiệp Phúc Lợi (cấp tỉnh);

+ Tỉnh đang thẩm định 02 Kế hoạch liên kết nuôi cá lóc gắn với tiêu thụ sản phẩm của 02 HTX: Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp nuôi trồng thủy sản Tràm Cát – Trảng Bàng với diện tích 5,3 ha cho 50 hộ và Hợp tác xã DVNN Lộc Ninh – Dương Minh Châu, quy mô: 2,9 ha cho 03 hộ.

**** Đánh giá vai trò, vị trí của KTTT, HTX trong phát triển kinh tế - xã hội nói chung và trong xây dựng nông thôn mới nói riêng***

THT, HTX tạo việc làm cho lao động nông thôn góp phần ổn định trật tự địa phương: Các HTX nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tuy gặp nhiều khó khăn, nhưng trong quá trình hoạt động đã tạo ra nhiều việc làm cho lực lượng lao động giản đơn ở nông thôn, góp phần ổn định trật tự địa phương, xây dựng nông thôn mới.

THT, HTX góp phần phát triển kinh tế nông thôn: Số HTX hoạt động khá, tốt ở địa phương đã phát huy được vai trò của mình trong xây dựng nông thôn mới. Với hình thức sản xuất gắn liền với tiêu thụ sản phẩm, các HTX nông nghiệp đã vận động thành viên dồn điền, đổi thửa, tạo thành vùng sản xuất tập trung liên kết chặt chẽ với các doanh nghiệp cung ứng vật tư, giống, tư vấn chuyên môn và tìm đầu ra sản phẩm thông qua các dịch vụ của HTX: làm giống, dịch vụ làm đất, trồng, chăm sóc và thu hoạch, đảm bảo đầu ra ổn định, đời sống thành viên ngày càng cải thiện; hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân đã đáp ứng kịp thời nhu cầu về vốn sản xuất kinh doanh, tiêu dùng, phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại, HTX khu vực nông thôn, góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập và ổn định đời sống nhân dân khu vực nông thôn.

Các THT, HTX có những đóng góp quan trọng vào việc cải tạo xây dựng công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở địa phương như: duy tu bảo dưỡng và bảo vệ mạng lưới giao thông nội địa, kênh nội đồng ở địa phương.

4. Kết quả, tình hình thực hiện các đề án

4.1. Kết quả thực hiện Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2021 - 2025

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 4091/KH-UBND ngày 25/11/2022 triển khai thực hiện Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2022-2025 và chỉ đạo các sở, ngành tỉnh lồng ghép triển khai nội dung Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-

---

[6] Năm 2022: mô hình nuôi bán thâm canh cá rô đồng kết hợp trồng lúa tại Thị xã Trảng Bàng, với diện tích khoảng 0,5 ha thành viên HTX DVNN An Hòa; HTX DVNN Tràm Cát 0.35 ha; Năm 2023: mô hình nuôi cá lóc kết hợp trồng lúa 0,4 ha thành viên HTX DVNN An Hòa; mô hình nuôi cá Chạch Lấu, mô hình nuôi cá rô đồng kết hợp trồng lúa; mô hình chăn nuôi heo thịt theo hướng VietGAHP; mô hình thâm canh Sầu riêng.

2025 vào Kế hoạch hoạt động, kế hoạch phát triển KTTT hàng năm của đơn vị nhằm triển khai, tuyên truyền nội dung hỗ trợ đến các đối tượng thụ hưởng chính sách.

Hiện nay, UBND tỉnh đang trình Thường trực HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2023-2025.

4.2. Đề án "Lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021-2025" theo Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 02/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ

a) Giai đoạn 1: Tỉnh đã phê duyệt danh sách các hợp tác xã tham gia "Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021-2025" tại Quyết định số 2027/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND tỉnh: Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Tân Tiến - Suối Ngô *(thuộc xã Suối Ngô, huyện Tân Châu)*; Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Phước Bình *(xã Phước Chỉ, Thị xã Trảng Bàng)*; Hợp tác xã Dịch vụ Thương mại - Nông nghiệp Tân Châu *(xã Thạnh Đông, huyện Tân Châu)*.

b) Giai đoạn 2: UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư ban hành Kế hoạch hoàn thiện mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2022-2025 tại văn bản số 1156/KH-SKHĐT ngày 28/4/2023.

c) Kết quả đạt được, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân, giải pháp trong thời gian tới: Theo danh sách hợp tác xã tham gia Đề án đã được cấp thẩm quyền phê duyệt, hằng năm Tỉnh tổng hợp nhu cầu cần hỗ trợ của các HTX vào Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, làm cơ sở triển khai thực hiện.

(UBND tỉnh có Báo cáo sơ kết Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại địa phương trên cả nước giai đoạn 2021-2025 tại văn bản số 291/BC-UBND ngày 21/7/2023 đính kèm)

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Nhận thức của cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên và một bộ phận nhân dân được nâng lên, kinh tế tập thể đã có bước phát triển tích cực. Công tác tuyên truyền và lãnh đạo điều hành phát triển KTTT ngày càng được địa phương quan tâm gắn với tiêu chí thực hiện trong xây dựng xã nông thôn mới. Tuy phát triển còn chậm so với yêu cầu thực tế của xã hội, khu vực KTTT cũng có những đóng góp quan trọng cho nền kinh tế địa phương, tạo việc làm, cải thiện nâng cao đời sống cho lao động, nhất là lao động tại khu vực nông thôn, góp phần xây dựng nông thôn mới.

Ngày càng nhiều tổ hợp tác, hợp tác xã nỗ lực, khắc phục khó khăn, định hướng thành viên tham gia sản xuất nông nghiệp sạch theo mô hình VietGap, nông nghiệp hữu cơ và chủ động liên kết với các thành phần kinh tế khác để phát triển, tiêu thụ sản phẩm.

2. Tồn tại hạn chế và nguyên nhân

a) Tồn tại, hạn chế

Công tác quản lý nhà nước về KTTT ở một số đơn vị, địa phương chưa sâu sát. Nguyên nhân, bộ máy quản lý nhà nước về KTTT, HTX trong tổ chức và cơ chế hoạt động đa phần là cán bộ kiêm nhiệm; cấp tỉnh các đơn vị chưa bố trí phòng chuyên trách quản lý KTTT và có huyện chưa có sự thống nhất trong việc quản lý, theo dõi KTTT giữa phòng Nông nghiệp và phòng Tài chính - Kế hoạch ảnh hưởng công tác kiểm tra,

giám sát tình hình thực hiện Luật của các HTX còn hạn chế, chưa kịp thời xử lý vi phạm pháp luật của HTX, các cá nhân, tổ chức liên quan.

- Quy mô các HTX còn hạn chế, sức cạnh tranh chưa cao, nhìn chung khu vực kinh tế tập thể còn chậm phát triển. Vẫn còn nhiều HTX chưa tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật Hợp tác xã. Công tác quản lý tài chính, kế toán chưa đáp ứng quy định.

- Những khó khăn nội tại của HTX chậm khắc phục, đặc biệt khó khăn về vốn, cơ sở vật chất, công nghệ sản xuất, trình độ quản lý và nguồn nhân lực; hoạt động của đa số các HTX hiện nay chỉ mang tính ngắn hạn. Các HTX chưa có sự tìm hiểu và nắm bắt nhu cầu của thị trường, sản xuất, kinh doanh vẫn dựa trên những cái mình đã có, chưa chú trọng việc sản xuất, kinh doanh những sản phẩm, dịch vụ thị trường cần.

- Hoạt động của các HTX còn thiếu gắn bó, liên kết với nhau và với các thành phần kinh tế khác. Còn nhiều thành viên thiếu tích cực, gắn bó với HTX, chưa thực hiện nghĩa vụ với HTX, chưa chung tay góp vốn, góp sức để xây dựng HTX mà mình là thành viên, còn trông chờ vào HTX, vào chính sách Nhà nước.

- Ngoài lĩnh vực tín dụng và giao thông vận tải, trình độ quản lý của cán bộ HTX lĩnh vực nông nghiệp còn nhiều khó khăn khó khắc phục như: lớn tuổi, trình độ năng lực, khả năng nắm bắt thông tin để vận dụng còn hạn chế, rất ít đội ngũ kế thừa do HTX không đủ nguồn lực để thu hút nhân lực tham gia và phát triển HTX.

- Công tác quản lý nhà nước về KTTT, HTX chưa thực sự hiệu quả, có nơi còn buông lỏng; chưa thực hiện tốt công tác báo cáo thống kê, dẫn đến số liệu báo cáo liên quan đến KTTT, HTX không đầy đủ, không cập nhật và chưa chính xác giữa đơn vị đầu mối và cơ quan chuyên ngành.

b) Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan: Một số chính sách hỗ trợ khuyến khích phát triển HTX chưa đến được với người dân, dẫn đến người dân chưa thấy được quyền lợi khi tham gia vào HTX.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Bản thân các HTX chưa nỗ lực vươn lên, lúng túng trong định hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh; nguồn lực phát triển còn hạn chế, đội ngũ cán bộ quản lý HTX thiếu năng động, sáng tạo, trình độ quản lý điều hành còn hạn chế; HTX chưa thu hút được người trẻ và người trình độ tham gia.

+ Năng lực nội tại của nhiều HTX chưa đáp ứng các điều kiện, yêu cầu của đối tác khi tham gia liên kết sản xuất hoặc phần đối ứng khi tham gia thụ hưởng chính sách.

+ Một số cấp ủy đảng - chính quyền địa phương chưa thật sự quan tâm đến sự phát triển của HTX hoặc hiểu sai lệch về HTX kiểu mới nên chưa tạo điều kiện thuận lợi cho HTX phát triển.

+ Công tác quản lý nhà nước về kinh tế tập thể còn nhiều vấn đề bất cập, các ngành, các cấp chưa quan tâm tạo điều kiện thuận lợi cũng như tổ chức kiểm tra, thanh tra để kịp thời hỗ trợ các HTX phát triển sản xuất kinh doanh.

+ Trên lĩnh vực nông nghiệp, số HTX nông nghiệp sản xuất theo tiêu chuẩn và chứng nhận VietGAP còn ít; Một số hợp tác xã chưa chủ động tìm đầu ra cho sản phẩm, chưa chủ động đề xuất và thực hiện các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, còn tư tưởng trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước nên hoạt động cầm chừng hay ngưng hoạt động.

+ Thành viên còn tư tưởng là vào HTX để nhận sự hỗ trợ, chưa có ý thức trách nhiệm cùng HTX xây dựng tổ chức kinh tế tập thể hoạt động có hiệu quả và phát triển bền vững. Do đó, khi không nhận được sự hỗ trợ của Nhà nước, thành viên gần như là người đứng ngoài HTX.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Qua quá trình triển khai thực hiện có phát sinh nội dung:

- Tại Khoản 3 Điều 6 của Nghị định số 98/2018/NĐ-CP quy định 02 trường hợp:

+ Trường hợp 1: Doanh nghiệp hoặc hợp tác xã ký hợp đồng liên kết trực tiếp với cá nhân, nông dân thì doanh nghiệp hoặc hợp tác xã là chủ trì liên kết; được hiểu là cho phép doanh nghiệp ký hợp đồng trực tiếp với nông dân để hình thành dự án liên kết *(không có hợp tác xã tham gia);*

+ Trường hợp 2: Doanh nghiệp và hợp tác xã ký hợp đồng liên kết với nhau thì các bên thống nhất cử ra chủ trì liên kết; được hiểu là có hợp tác xã tham gia.

- Tuy nhiên theo điểm c khoản 1 Điều 9 của Nghị định số 98/2018/NĐ-CP có quy định: hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm tối đa không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm thông qua các dịch vụ tập trung của hợp tác xã được hiểu là có hợp tác xã tham gia, do đó trường hợp doanh nghiệp chủ trì liên kết trực tiếp với cá nhân, nông dân thì không áp dụng được.

Theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 9 của Nghị định số 98/2018/NĐ-CP thì chỉ phù hợp với trường hợp 2, không phù hợp với trường hợp 1 đã gây khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện chính sách.

Kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Chính phủ xem xét sửa đổi, bổ sung nội dung vướng mắc nêu trên phù hợp.

Phần thứ hai
ĐÁNH GIÁ SƠ KẾT TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTTT, HTX GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KTTT, HTX GIAI ĐOẠN 2021-2030

I. BỐI CẢNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Đại dịch Covid bùng phát và diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến toàn bộ hoạt động của nền kinh tế trong nước và thế giới. Các hoạt động sản xuất kinh doanh của các tổ chức kinh tế, bao gồm KTTT gần như tê liệt.

1. Công tác chỉ đạo, tổ chức và phối hợp thực hiện

Thực hiện Quyết định số 1318/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2021-2025 và Quyết định số 340/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2021-2030 và theo tinh thần các văn bản có liên quan của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 144/KH-UBND ngày 18/01/2021 về Phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển KTTT, HX giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh. Theo đó, tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và những đơn vị có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp, tổ chức triển khai các nhiệm vụ cụ thể góp phần thực hiện có hiệu quả mục tiêu, định hướng, giải pháp đặt ra trong Kế hoạch. Tổ chức kiểm tra, theo dõi, giám sát các chỉ tiêu, nhiệm vụ, các phương án, dự án, chương trình thực hiện Kế hoạch thường xuyên, hiệu quả; đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch.

2. Dự kiến việc hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu

Căn cứ chỉ tiêu đề ra của giai đoạn 2021-2025, giai đoạn 2021-2030, kết quả thực hiện phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2021-2023 như sau:

- Hợp tác xã: Tổng số HTX đạt 91,5% (2021-2023 là 174 HTX/2021-2025 là 190 HTX). Thành viên HTX đạt 92% (2021-2023 là 38.172 thành viên/2021-2025 là 41.500 thành viên). Thành lập mới đạt 60% (2021-2023 là 48 HTX/2021-2025 là 75 HTX).

- Liên hiệp HTX: chưa phát sinh.

- Tổ hợp tác: Tổng số THT đạt 91% (2021-2023 là 124 THT/2021-2025 là 135 THT). Tổng số thành viên THT 40% (2021-2023 là 2.384 thành viên/2021-2025 là 2.340 thành viên).

Nhìn chung, một số chỉ tiêu phấn đấu đến năm 2025 và đến 2030 cơ bản đảm bảo, dự kiến sẽ thực hiện đạt được Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 và giai đoạn 2021-2030. Khu vực KTTT, HTX đã từng bước phát triển về số lượng và chất lượng, ngày càng có nhiều mô hình KTTT hoạt động hiệu quả, góp phần tạo được niềm tin vào KTTT, HTX, góp phần quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, nâng cao thu nhập, cải thiện chất lượng cuộc sống người dân, nhất là hộ thành viên nông thôn.

II. TỒN TẠI HẠN CHẾ

Tuy các chỉ tiêu phấn đấu cơ bản đảm bảo và chất lượng KTTT, HTX được nâng lên nhưng khu vực KTTT, HTX vẫn còn một số tồn tại hạn chế, như sau:

- Nhân lực thực hiện công tác quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã vừa yếu vừa thiếu nên khó khăn trong cụ thể hóa và triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách Đảng, Nhà nước và công tác kiểm tra, giám sát thực hiện các văn bản luật của các hợp tác xã còn hạn chế, chưa kịp thời xử lý khi có vi phạm xảy ra.

- Luật Hợp tác xã năm 2012, Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định 11 chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hợp tác xã. Song, thực tế những chính sách này đi vào cuộc sống không nhiều, chính sách hỗ trợ về kết cấu hạ tầng hầu như chưa thực hiện được; chính sách ưu đãi tín dụng, hỗ trợ chế biến sản phẩm,... hiệu quả chưa cao; số lượng hợp tác xã được hưởng chính sách hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước còn hạn chế.

- Các hợp tác xã đa phần có vốn ít, trang thiết bị lạc hậu, quy mô sản xuất nhỏ, chưa xây dựng được chuỗi liên kết. Lợi ích kinh tế trực tiếp do hợp tác xã mang lại cho thành viên chưa nhiều, chưa thu hút thành viên tham gia. Một số hợp tác xã chưa thể hiện được vai trò kết nối giữa các thành viên với thị trường, sự gắn kết lợi ích giữa hợp tác xã và thành viên còn mờ nhạt, chưa mang tinh thần hợp tác cao. Việc liên kết, liên doanh giữa hợp tác xã với hợp tác xã, giữa hợp tác xã với các thành phần kinh tế khác còn hạn chế.

III. NGUYÊN NHÂN

Bộ máy quản lý nhà nước về hợp tác xã chủ yếu kiêm nhiệm, thiếu thực tiễn, nên việc tham mưu thực hiện công tác quản lý hợp tác xã còn hạn chế.

Cấp ủy có nơi thiếu quan tâm đúng mức, nhận thức chưa đầy đủ việc phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã của một bộ phận cán bộ các cấp và nhân dân chưa đầy đủ, chưa hiểu đúng bản chất, vai trò của hợp tác xã kiểu mới.

Một số hợp tác xã hoạt động còn trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước. Trình độ nhận thức, năng lực và kinh nghiệm của hầu hết cán bộ quản lý hợp tác xã còn yếu,

chưa được đào tạo bài bản; trong điều hành hoạt động còn lúng túng, chậm thích ứng với cơ chế thị trường; năng lực tài chính thấp, thiếu vốn sản xuất kinh doanh nên việc thu hút, huy động các nguồn lực về con người và về vốn còn khó khăn.

Phần thứ ba

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ NĂM 2024

I. DỰ BÁO NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN

Tình hình kinh tế, chính trị, xã hội trong nước được giữ ổn định và phát triển; nhiều chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đã và đang được triển khai thực hiện có hiệu quả. Tỉnh ngày càng hoàn thiện về kết cấu hạ tầng, tiềm lực về lao động, các điểm giao dịch mua bán trên tuyến biên giới, sự mở rộng hợp tác thương mại qua các cửa khẩu trên địa bàn... cùng với các chính sách về kinh tế ngày càng thông thoáng hơn tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh phát triển; đó là tiền đề cho KTTT, HTX cũng như kinh tế của tỉnh phát triển.

Bên cạnh những thuận lợi cơ bản, Tỉnh tiếp tục đối mặt với không ít khó khăn, thách thức: Tình hình thế giới và khu vực tiếp tục có những diễn biến phức tạp, khó lường do bị tác động bởi những bất đồng và cạnh tranh quyết liệt giữa các nước lớn; các thế lực thù địch thực hiện âm mưu, hoạt động "diễn biến hòa bình", tăng cường chống phá Đảng, Nhà nước; sự biến đổi khí hậu, thiên tai, tác động tiêu cực đến tốc độ tăng trưởng kinh tế. Tình hình dịch bệnh ảnh hưởng trực tiếp đến phát triển kinh tế - xã hội, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp, cơ sở hạ tầng vẫn còn hạn chế so với yêu cầu phát triển, tỷ lệ lao động chưa có tay nghề còn cao; nền kinh tế của tỉnh chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, tuy có tăng trưởng nhưng chưa bền vững, còn chứa đựng nhiều yếu tố rủi ro, thị trường nông sản không ổn định, tình trạng buôn lậu, ma túy, cờ bạc có chiều hướng gia tăng gây khó khăn nhất định trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội nói chung và phát triển KTTT, HTX nói riêng.

II. ĐỊNH HƯỚNG, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KTTT, HTX NĂM 2024

Phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã với nhiều hình thức đa dạng về quy mô và lĩnh vực hoạt động, trong đó ưu tiên xây dựng các mô hình ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số, sản xuất, kinh doanh gắn với chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị, tăng cường liên kết hợp tác với các thành phần kinh tế khác; tăng cường hoạt động hỗ trợ cho các tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã nhằm nâng cao năng lực sản xuất, sức cạnh tranh và khả năng thích nghi trong bối cảnh hội nhập quốc tế, cách mạng công nghiệp lần thứ tư và biến đổi khí hậu. Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh chủ động, phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao, phát huy vai trò nòng cốt của Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh trong phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã tại địa phương.

III. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Phát triển kinh tế tập thể, HTX gắn với xây dựng nông thôn mới. Phát triển số lượng, đồng thời củng cố và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của HTX, tổ hợp tác; đa dạng về loại hình, hình thức hợp tác trong các ngành, nghề, lĩnh vực, đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ cao, sản xuất gắn với chuỗi giá trị, chú trọng phát triển sản phẩm, chế biến sâu, đạt tiêu chuẩn, chất lượng, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong, ngoài tỉnh và xuất khẩu. Thu hút đại bộ phận người dân tham gia HTX và huy động ngày càng nhiều các tổ chức, doanh nghiệp tham gia hoặc liên kết với HTX. Tăng cường hoạt động hỗ trợ cho các tổ chức kinh tế tập thể, HTX nhằm nâng cao năng lực sản xuất, sức

cạnh tranh và khả năng thích nghi trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, cách mạng công nghiệp lần thứ tư và biến đổi khí hậu.

IV. MỘT SỐ MỤC TIÊU CỤ THỂ

- Toàn tỉnh có 193 HTX với 40.000 thành viên, 135 tổ hợp tác với 2.700 thành viên. Trong đó, số thành lập mới là 15 HTX và 10 THT, giải thể 05 HTX. Doanh thu bình quân HTX là 8.500 triệu đồng/HTX, lãi bình quân là 380 triệu đồng/HTX. Thu nhập bình quân của thành viên, người lao động HTX là 85 triệu đồng/người/năm.

- Số HTX hoạt động đạt loại tốt, khá là 116 HTX, chiếm trên 60% tổng số hợp tác xã trên địa bàn tỉnh; phấn đấu số lượng cán bộ quản lý HTX tốt nghiệp cao đẳng, đại học chiếm 35%.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp, phấn đấu năm 2024 xây dựng 03 mô hình HTX ứng dụng công nghệ cao, sản xuất gắn với chuỗi giá trị sản phẩm chủ lực địa phương; Lũy kế có 28 HTX ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, tiêu thụ nông sản và thực hiện truy xuất nguồn gốc *(trên 20% HTX nông nghiệp có ứng dụng công nghệ cao và hoạt động sản xuất kinh doanh)*, 90 HTX có tham gia liên kết theo chuỗi giá trị giữa doanh nghiệp và hợp tác xã.

- Xử lý dứt điểm tình trạng các hợp tác xã đã ngừng hoạt động và các HTX chưa chuyển đổi, tổ chức lại theo quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012 và năm 2023.

V. CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KTTT, HTX NĂM 2024

1. Đẩy mạnh tuyên truyền về phát triển KTTT, HTX

Tổ chức tối thiểu 04 hội nghị quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới; Luật Hợp tác xã sửa đổi năm 2023; Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 02/02/2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW; Kế hoạch số 128/KH-TU ngày 04/01/2023 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 20 và Quyết định số 873/QĐ-UBND của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hành hành động thực hiện Nghị quyết số 09/NQ-CP cho 100% hợp tác xã và thành viên hợp tác xã trên địa bàn tỉnh.

Tổ chức 01 cuộc thi tìm hiểu về Luật Hợp tác xã năm 2023; 02 hội nghị hội thảo, tọa đàm về KTTT, HTX và triển khai các chủ trương, chính sách mới của Đảng, Nhà nước và các nghị quyết, cơ chế, chính sách của tỉnh về phát triển KTTT, HTX.

Cơ quan báo chí địa phương xây dựng tối thiểu 02 chuyên mục; 02 phóng sự tuyên truyền về phát triển KTTT, HTX, các mô hình hoạt động có hiệu quả, các chính sách hỗ trợ của Nhà nước; Phát hành 06 kỳ bản tin KTTT, HTX *(6.000 bản)* và nâng cao chất lượng trang thông tin điện tử KTTT, HTX.

2. Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát KTTT

- Xây dựng, hoàn thiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển KTTT, HTX năm 2024, giai đoạn 2025-2030 nhằm cụ thể hóa kế hoạch, chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, Nghị quyết số 09/NQ-CP, Chỉ thị số 19/CT-TTg, Luật Hợp tác xã sửa đổi năm 2023 và các cơ chế, chính sách về phát triển KTTT, HTX ở địa phương. Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, giúp các tổ chức KTTT phát triển với nhiều hình thức hợp tác đa dạng, phát triển từ thấp đến cao *(tổ hợp tác, HTX, liên hiệp*

HTX,...) và các tổ chức đại diện để nâng cao khả năng huy động vốn, tăng tích lũy vốn và tài sản chung; nâng cao tính minh bạch trong quản lý, điều hành.

Củng cố, kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động Ban Chỉ đạo Đổi mới, phát triển KTTT, HTX của tỉnh và nâng cao công tác quản lý nhà nước đối với KTTT, HTX ở địa phương.

Rà soát, điều chỉnh mô hình Quỹ hỗ trợ phát triển HTX tỉnh phù hợp với Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ và tình hình thực tiễn của địa phương; bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ trong từng giai đoạn phù hợp sự phát triển và nhu cầu vốn của khu vực KTTT, HTX trên địa bàn tỉnh.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 03/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh chuyển đổi số trong khu vực kinh tế hợp tác, hợp tác xã và các chương trình mục tiêu quốc gia; các chương trình, nhiệm vụ về phát triển KTTT, HTX của Chính phủ và địa phương giao, ủy thác.

3. Đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động các tổ chức KTTT

- Hỗ trợ, tư vấn, củng cố nâng cao cao năng lực hoạt động ít nhất 05 HTX xã hoạt động chưa hiệu quả thành HTX hoạt động hiệu quả phù hợp với các quy định hiện hành.

- Xây dựng phương án về giải thể các HTX ngưng hoạt động theo quy định.

- Tạo điều kiện để các tổ chức KTTT tham gia thực hiện một số dịch vụ công ở địa phương; khuyến khích liên kết kinh tế giữa các tổ chức KTTT hoạt động trong cùng ngành, lĩnh vực.

- Tăng cường liên kết giữa tổ chức KTTT với các thành phần kinh tế khác, đặc biệt là liên kết với doanh nghiệp nhà nước. Doanh nghiệp nhà nước ưu tiên hỗ trợ liên kết, tiêu thụ, sử dụng sản phẩm, dịch vụ, tạo điều kiện cho các tổ chức KTTT hoạt động có hiệu quả; sớm khắc phục tình trạng thiếu liên kết giữa kinh tế nhà nước với KTTT.

- Tổ chức tập huấn về chuyển đổi số, triển khai các mô hình HTX thành công, điển hình về chuyển đổi số cho HTX. Khuyến khích, hỗ trợ các tổ hợp tác, HTX, liên hiệp HTX đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường, xúc tiến thương mại, thương mại điện tử; chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ, sản phẩm đạt tiêu chuẩn, xây dựng thương hiệu.

- Tiếp tục hỗ trợ 03 hợp tác xã tham gia Đề án "Lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình HTX kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021-2025" được Chính phủ ban hành tại Quyết định số 167/QĐ-TTg.

- Tổ chức hiệu quả các phong trào thi đua do cấp ủy, chính quyền địa phương và Liên minh Hợp tác xã Việt Nam phát động, gắn với việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KTTT, HTX tạo động lực cho khu vực KTTT, HTX và sức lan tỏa trong cộng đồng.

- Triển khai có hiệu quả và tạo điều kiện để các tổ chức KTTT, HTX tiếp cận chính sách hỗ trợ KTTT của tỉnh: chính sách đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực, xúc tiến thương mại, hỗ trợ liên kết chuỗi giá trị, khoa học công nghệ … và chính sách tín dụng từ Quỹ hỗ trợ phát triển HTX tỉnh và từ các tổ chức tín dụng khác.

4. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với KTTT

- Tăng cường quản lý nhà nước đối với KTTT, trong đó Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối giúp UBND tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về KTTT. Xây dựng bộ máy quản lý nhà nước về KTTTể tập trung, thống nhất, xuyên suốt trong chỉ đạo điều hành

từ tỉnh đến địa phương để huy động các nguồn lực và trực tiếp triển khai các chính sách hỗ trợ của nhà nước đối với KTTT.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm nhiệm vụ quản lý nhà nước về hỗ trợ, phát triển KTTT có chuyên môn, nghiệp vụ; hỗ trợ đào tạo chuyên sâu về KTTT, bồi dưỡng năng lực xây dựng và tổ chức thực hiện hiệu quả pháp luật, cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch để kinh tế tập thể phát triển lành mạnh, đúng định hướng.

- Tăng cường tính minh bạch trong quản lý nhà nước về KTTT, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, từng bước xây dựng, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về KTTT, liên thông với hệ thống đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế.

- Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra, trách nhiệm giải trình của các cơ quan, tổ chức đối với việc chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển KTTT, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm *(02 đợt khảo sát, nắm tình hình hoạt động sản xuất, 02 Hội nghị đối thoại chính sách phát triển HTX theo ngành, lĩnh vực KTTT, HTX).*

5. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Tây Ninh, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp và Liên minh Hợp tác xã tỉnh đối với phát triển KTTT

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp tuyên truyền, vận động để hội viên, đoàn viên và nhân dân nắm chắc chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về KTTT; phối hợp tổ chức vận động, phát triển các loại hình KTTT; giám sát, phản biện về việc thực hiện chính sách, pháp luật về KTTT và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các tổ chức KTTT, HTX.

- Đối với các tổ chức KTTT có số lượng thành viên lớn, có các tổ chức đoàn thể đang hoạt động, cần quan tâm xây dựng và phát huy vai trò của đoàn thể cùng hội đồng quản trị, ban giám đốc, xây dựng tổ chức KTTT phát triển vững mạnh.

- Nâng cao năng lực, kiện toàn tổ chức bộ máy Liên minh hợp tác xã tỉnh thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp và thúc đẩy phát triển KTTT; phát huy tốt cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với thành phần KTTT; hướng dẫn, chia sẻ thông tin, vận động và tham gia thực hiện các chính sách đối với KTTT; cùng với các tổ chức KTTT thực hiện tốt, đúng quy định một số nội dung dịch vụ công phù hợp với quy định của pháp luật. Giao Liên minh HTX tỉnh rà soát, phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nội vụ, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh bố trí biên chế, kinh phí, cơ sở vật chất và phương tiện đảm bảo thực hiện nhiệm vụ được giao.

6. Nguồn vốn thực hiện

6.1. Tình hình thực hiện nguồn vốn hỗ trợ năm 2023

a) Nguồn vốn sự nghiệp

- 6 tháng đầu năm: 4.977 triệu đồng.

+ Ngân sách Trung ương 950 triệu đồng.

+ Ngân sách tỉnh 4.027 triệu đồng.

- Ước thực hiện năm: 10.192 triệu đồng.

+ Ngân sách Trung ương 1.500 triệu đồng.

+ Ngân sách tỉnh 8.692 triệu đồng.

b) Nguồn vốn đầu tư phát triển

- 6 tháng đầu năm: Đang triển khai thực hiện, chưa giải ngân.

- Ước thực hiện năm: 4.600 triệu đồng.

+ Ngân sách Trung ương: 600 triệu đồng.

+ Ngân sách tỉnh 4.000 triệu đồng.

6.2. Đăng ký vốn sự nghiệp và vốn đầu tư phát triển thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển KTTT, HTX năm 2024

a) Tổng nhu cầu vốn sự nghiệp: 18.770 triệu đồng.

- Ngân sách Trung ương 5.000 triệu đồng.

- Ngân sách tỉnh 13.770 triệu đồng *(trong đó: 8.000 triệu đồng thực hiện từ nguồn vốn điều lệ 20 tỷ đồng đã giao cho Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh tại Quyết định số 2539/QĐ-UBND ngày 03/11/2014 của UBND tỉnh về việc điều chuyển vốn sở hữu của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tây Ninh sang Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Tây Ninh; kinh phí đào tạo: 1.093 triệu đồng, bồi dưỡng: 480 triệu đồng - chi tiết đính kèm phụ lục V).*

b) Tổng nhu cầu vốn đầu tư phát triển: 7.740 triệu đồng.

- Ngân sách Trung ương 700 triệu đồng.

- Ngân sách tỉnh 7.040 triệu đồng.

(Đính kèm Phụ lục III, IV)

Trên đây là Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã năm 2024 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh./.

Nơi nhận:
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Liên minh HTX Việt Nam;
- TT: TU, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP;
- Phòng KT;
- Lưu: VT, VP. UBND tỉnh. (Mạnh)

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Chiến

Phụ lục I

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ NĂM 2023 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2024

(Kèm theo Kế hoạch số 3367 /KH-UBND ngày 25/10/2023 của UBND tỉnh Tây Ninh)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2022	Năm 2023			Kế hoạch năm 2024
				Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng	ƯTH cả năm	
I	**Hợp tác xã**						
1	Tổng số hợp tác xã	HTX	178	188	182	183	193
	Trong đó:						
	Số hợp tác xã đang hoạt động	HTX	160	173	170	173	180
	Số hợp tác xã thành lập mới	HTX	15	15	9	12	15
	Số hợp tác xã giải thể	HTX	2	5	5	7	5
	Số hợp tác xã đạt loại tốt, khá (*)	HTX	64	113	80	110	116
	Số HTX ứng dụng công nghệ cao	HTX	22	27	25	25	28
	Số HTX nông nghiệp liên kết với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị	HTX	80	80	80	80	90
	Số xã đạt chuẩn tiêu chí 13.1 về HTX trong bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới	Xã	67	70	70	70	71
2	Tổng số thành viên hợp tác xã	Người	36.970	40.667	38.496	38.496	40.000
	Trong đó:						
	Số thành viên mới	Thành viên	1.985	2.184	2.164	2.164	2.200
	Số thành viên ra khỏi hợp tác xã	Thành viên	4.395	4.835	638	638	450
3	Tổng số lao động thường xuyên trong HTX	Người	7.647	8.412	7.800	7.800	7.850
	Trong đó:						
	Số lao động thường xuyên mới	Người					
	Số lao động thường xuyên là thành viên HTX	Người	2.350	2.524	2.380	2.380	2.500
4	Tổng số cán bộ quản lý hợp tác xã	Người	774	851	825	825	850
	Trong đó:						
	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ sơ, trung cấp	Người	364	400	367	367	390
	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên	Người	277	300	279	279	298
5	Doanh thu bình quân một hợp tác xã	Tr đồng/năm	13.708	15.079	4.200	8.700	8.500
	Trong đó: Doanh thu của hợp tác xã với thành viên	Tr đồng/năm					
6	Lãi bình quân một hợp tác xã	Tr đồng/năm	331	345	350	350	380
7	Thu nhập bình quân của lao động thường xuyên trong hợp tác xã	Tr đồng/năm	75	83	74	74	85
II	**Liên hiệp hợp tác xã**						
III	**Tổ hợp tác**						
1	Tổng số tổ hợp tác	THT	122	134	127	130	135
	Trong đó:						
	Số THT có đăng ký hoạt động với chính quyền xã/phường/thị trấn	THT	122	134	127	130	135
2	Tổng số thành viên tổ hợp tác	Thành viên	2.509	2.760	2.050	2.660	2.700
	Trong đó:						

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2022	Năm 2023			Kế hoạch năm 2024
				Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng	ƯTH cả năm	
	Số thành viên mới thu hút	Thành viên	200	220	100	100	100
3	Doanh thu bình quân một tổ hợp tác	Tr đồng/năm	500	550	250	500	550
4	Lãi bình quân một tổ hợp tác	Tr đồng/năm	100	110	60	104	120

(*) Theo Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19/02/2020 của BKHĐT về hướng dẫn phân loại và đánh giá HTX

Phụ lục II

SỐ LƯỢNG HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ, TỔ HỢP TÁC PHÂN LOẠI THEO NGÀNH NGHỀ NĂM 2023 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2024

(Kèm theo Kế hoạch số 3367 /KH-UBND ngày 25/10/2023 của UBND tỉnh Tây Ninh)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2022	Năm 2023			Kế hoạch năm 2024
				Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	
1	**HỢP TÁC XÃ**						
	Tổng số hợp tác xã	HTX	178	188	182	183	193
	Chia ra:						
	Hợp tác xã nông - lâm - ngư - diêm nghiệp	HTX	114	121	119	120	125
	Hợp tác xã công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	HTX	6	7	6	6	7
	Hợp tác xã xây dựng	HTX					
	Hợp tác xã tín dụng	HTX	18	18	18	18	18
	Hợp tác xã thương mại	HTX	20	21	19	19	21
	Hợp tác xã vận tải	HTX	16	16	16	16	17
	Hợp tác xã khác	HTX	4	5	4	4	5
2	**LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ**	**0**	-	-	-	-	-
3	**TỔ HỢP TÁC**						
	Tổng số tổ hợp tác	THT	122	134	127	130	135
	Chia ra:						
	Tổ hợp tác nông - lâm - ngư - diêm nghiệp	THT	98	104	100	104	105
	Tổ hợp tác công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	THT	24	30	27	27	30

Phụ lục III

NHU CẦU VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KTTT, HTX NĂM 2024

(Kèm theo Kế hoạch số 3367/KH-UBND ngày 25/10/2023 của UBND tỉnh Tây Ninh)

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2023			Kế hoạch 2024		Ghi chú
			Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng	Thực hiện	Kế hoạch	Dự kiến đơn vị thực hiện	
TỔNG CỘNG (I+II)		**Tr đồng**		**4.977**	**10.192**	**18.770**		
I	**NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**			**950**	**1.500**	**5.000**		
1	**Hỗ trợ khác (cụ thể theo từng nội dung hỗ trợ)**	Tr đồng					*Quỹ hỗ trợ phát triển HTX TW*	
	Hỗ trợ về tiếp cận vốn và nguồn Quỹ hỗ trợ phát triển HTX							
	- Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX	5	2	3	5		
	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	5.000	950	1.500	5.000		
II	**NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**			**4.027**	**8.692**	**13.770**		
1	**Thành lập mới, củng cố tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã**			**18**	**30**	**220**		*Năm 2023 chưa thực hiện hết chỉ tiêu KH hỗ trợ thành lập mới do các HTX TLM đảm bảo kinh phí hoạt động nên không đề xuất NSNN hỗ trợ*
	- Số hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được hỗ trợ	HTX	15	3	5	10	Liên minh HTX tỉnh	
	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	180	18	30	220		
2	**Nâng cao năng lực, nhận thức cho khu vực KTTT**			**167**	**515**	**2.322**		
2.1	***Đào tạo***						Liên minh HTX tỉnh; SNN và PTNT	*Dự kiến kinh phí:* *- Cán bộ HTX tham gia đào tạo dài hạn (LMHTX tỉnh chủ trì): 140 triệu đồng;* *- 01 lớp Giám đốc HTX (SNN&PTNT chủ trì): 273 triệu đồng;* *- 01 lớp Trung cấp Kế toán (LMHTX chủ trì): 680 triệu đồng.* *(chi tiết tại nội dung 2, 3 Phụ lục 5)*
	- Số người được cử đi đào tạo	Người	50	4	10	80		
	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	600	58	120	1.093		
2.2	***Bồi dưỡng***							
	- Số người được tham gia bồi dưỡng	Người	1.890	360	1.460	1.005	Liên minh	

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2023			Kế hoạch 2024		Ghi chú
			Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng	Thực hiện	Kế hoạch	Dự kiến đơn vị thực hiện	
	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	400	109	395	480	HTX tỉnh	*(chi tiết tại nội dung 1 Phụ lục 5)*
2.3	***Hỗ trợ cán bộ trẻ về làm việc có thời hạn tại các HTX***						SNN và PTNT	*Thực hiện sau khi HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2023-2025*
	- Số người được tham gia bồi dưỡng	Người				10		
	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng				749		
3	**Xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu, tuyên truyền, hỗ trợ về KTTT**			**143**	**285**	**285**	Liên minh HTX tỉnh	
	- Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX	-	-	-	0		*Xây dựng Bản tin KTTT, HTX*
	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng		143	285	285		
4	**Hỗ trợ về xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường**			**140**	**200**	**270**		
	- Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX	20	8	20	20		
	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	200	140	200	270		
5	**Hỗ trợ khác (cụ thể theo từng nội dung hỗ trợ)**			**3.560**	**7.662**	**10.673**		
5.1	***Hỗ trợ về tiếp cận vốn và nguồn Quỹ hỗ trợ phát triển HTX (*)***						Quỹ hỗ trợ phát triển HTX	
	Số HTX, THT được hỗ trợ	HTX	10	4	6	8		*không phát sinh chi ngân sách trong năm 2024*
	Tổng số vốn được vay	Tr đồng	12.500	3.560	5.000	8.000		
5.2	***Hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản***						UBND huyện Gò Dầu, thị xã Trảng Bàng	
	- Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX	7		7	8		
	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	2.662		2.662	2.673		

Ghi chú:

(*) : Kinh phí 8,000 triệu đồng thực hiện Hỗ trợ về tiếp cận vốn và nguồn Quỹ hỗ trợ phát triển HTX thực hiện từ nguồn vốn điều lệ 20 tỷ đồng đã giao cho Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh tại các Quyết định của UBND tỉnh: số 15/2014/QĐ-UBND ngày 02/6/2014 về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Tây Ninh; số 2539/QĐ-UBND ngày 03/11/2014 về việc điều chuyển vốn sở hữu của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tây Ninh sang Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Tây Ninh

Phụ lục IV

NHU CẦU VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KTTT, HTX NĂM 2024

(Kèm theo Kế hoạch số 3367 /KH-UBND ngày 27 / 10/2023 của UBND tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Tổng mức đầu tư		Thực hiện 2023			Kế hoạch 2024	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó NSNN	Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng đầu năm	Ước thực hiện cả năm		
I	**NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**	**1.300**	**600**	**600**	**-**	**600**	**700**	
1	**Dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn**							
2	**Dự án thuộc Chương trình MTQG**							
1.1	*Dự án máy gặt đập liên hợp cho HTX Thanh niên Phước Chỉ*	*850*	*400*	*400*	*-*	*400*	*450*	*Theo đề nghị của UBND thị xã Trảng Bàng: năm 2024, HTX Thanh niên Phước Chỉ đối ứng 450 triệu đồng; TX DVNN Minh Thành đối ứng 250 triệu đồng*
1.2	*Dự án mua máy cày, xới hỗ trợ HTX DVNN Minh Thành*	*450*	*200*	*200*	*-*	*200*	*250*	
II	**NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**	**11.040**	**11.040**	**4.000**	**-**	**4.000**	**7.040**	
1	**Dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn**							
1.1	*Dự án hỗ trợ mua máy móc thiết bị hỗ trợ 02 HTX (Dịch vụ Nông nghiệp Tân Tiến - Suối Ngô, Dịch vụ Thương mại – Nông nghiệp Tân Châu) thuộc Đề án mô hình HTX kiểu mới hoạt động hiệu quả*	*6.000*	*6.000*	*4.000*	*-*	*4.000*	*2.000*	*Theo đề nghị của UBND huyện Tân Châu*
1.2	*Hỗ trợ 02 máy bay phun thuốc BVTV; 02 máy gặt đập liên hợp; nhà kho chứa phân và lúa; máy cày + rơ móc cho HTX Dịch vụ Nông nghiệp Phước Bình*	*5.040*	*5.040*	*-*		*-*	*5.040*	*Theo đề nghị của UBND thị xã Trảng Bàng*
2	**Dự án thuộc Chương trình MTQG**							

Phụ lục V

DỰ TOÁN CHI TIẾT NHU CẦU KINH PHÍ ĐÀO TẠO NĂM 2024

(Kèm theo Kế hoạch số 3367/KH-UBND ngày 25/10/2023 của UBND tỉnh Tây Ninh)

1. Sự nghiệp đào tạo - dạy nghề: 480.000.000 đồng

1.1 Chi mở lớp "Tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về năng lực quản lý, điều hành HTX, THT":

Số lượng 03 lớp: **324.000.000 đồng**

TT	Mức chi cụ thể của 1 lớp	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	**Chi cho công tác tổ chức**				**22.500.000**	
1	Chi thù lao báo cáo viên *(bao gồm: thù lao giảng dạy, biên soạn, chỉnh lý tài liệu,..)*	Ngày	3	4.000.000	12.000.000	21/2019/NQ-HĐND
2	Tiền nghỉ giáo viên	Ngày	3	350.000	1.050.000	
3	Tiền ăn giáo viên	Ngày	3	170.000	510.000	
4	Thuê xe đưa đón giảng viên	Lượt	2	1.500.000	3.000.000	HĐ thực tế
6	Phụ cấp quản lý lớp	Ngày	3	80.000	240.000	21/2019/NQ-HĐND
7	Chi phí: vệ sinh, trông giữ xe	Ngày	3	700.000	2.100.000	HĐ thực tế
5	Khai giảng + bế giảng	Lần	2	300.000	600.000	HĐ thực tế
8	Văn phòng phẩm	Lớp	1	3.000.000	3.000.000	HĐ thực tế
B	**Chi cho các đối tượng tham gia** *(CB cơ quan QLNN về KTTT, thành viên, người lao động tổ chức KTTT)*				**22.950.000**	
1	In + đóng tập tài liệu	Bộ	45	30.000	1.350.000	HĐ thực tế
2	Hỗ trợ tiền ăn học viên *(45 hv × 3 ngày)*	Người	135	100.000	13.500.000	21/2019/NQ-HĐND
3	Hỗ trợ tiền đi lại *(khoán 60.000đ/ người/ lớp)*	Người	45	60.000	2.700.000	
4	Nước uống học viên *(45 hv × 3 ngày)*	Người	135	40.000	5.400.000	
C	**Chi phí tổ chức cho học viên đi khảo sát thực tế**				**62.550.000**	
1	Chi trả tiền phương tiện đưa đón học viên đi khảo sát, thực tế	chuyến	1	30.000.000	30.000.000	21/2019/NQ-HĐND
2	Hỗ trợ 01 phần tiền ăn *cho 02 ngày nghỉ lại và 01 ngày về (170.000đ/ngày × 2) ngày nghỉ lại +150.000 đ/ngày về)*	Người	48	490.000	23.520.000	
3	Hỗ trợ tiền nghỉ	Phòng	24	350.000	8.400.000	22/20218/QĐ-UBND
4	Nước uống	Thùng	7	90.000	630.000	
Tổng cộng					**108.000.000**	

1.2 Chi mở lớp "Bồi dưỡng nâng cao về Kiến thức Kinh tế tập thể "

Số lượng 06 lớp: **156.000.000 đồng**

TT	Mức chi cụ thể của 1 lớp	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	**Chi cho công tác tổ chức**				**13.500.000**	
1	Chi thù lao báo cáo viên *(bao gồm: thù lao giảng dạy, biên soạn, chỉnh lý tài liệu,..)*	Ngày	2	4.000.000	8.000.000	21/2019/NQ-HĐND
2	Tiền nghỉ giáo viên	Ngày	2	350.000	700.000	
3	Tiền ăn giáo viên	Ngày	2	170.000	340.000	
4	Xăng xe đưa đón giảng viên *(02 lượt đi về 440km=66 lít xăng)*	Lít	66	22.000	1.452.000	HĐ thực tế
5	Khai bế giảng + bế giảng	Lần	2	300.000	600.000	HĐ thực tế
6	Công tác phí CB quản lý lớp	Ngày	2	100.000	200.000	21/2019/NQ-HĐND
7	Hỗ trợ chi phí hội trường (vệ sinh, trông giữ xe)	Ngày	2	600.000	1.200.000	HĐ thực tế
8	Văn phòng phẩm	Lớp	1	518.000	518.000	HĐ thực tế
B	**Chi cho các đối tượng tham gia** *(CB cơ quan QLNN về KTTT, thành viên, người lao động tổ chức KTTT)*				**12.500.000**	
1	In + đóng tập tài liệu	Bộ	50	30.000	1.500.000	HĐ thực tế
2	Hỗ trợ tiền ăn, nghỉ, đi lại học viên *(50 hv × 2 ngày)*	Người	100	80.000	8.000.000	21/2019/NQ-HĐND
3	Nước uống học viên *(50 hv × 2 ngày)*	Người	100	30.000	3.000.000	
Tổng cộng					**26.000.000**	

2. Chi tổ chức mở lớp đào tạo: trung cấp kế toán Hợp tác xã/đào tạo sơ cấp Giám đốc HTX: 953.000.000 đồng

2.1. Dự kiến kinh phí lớp trung cấp kế toán Hợp tác xã: 680.000.000 đồng

(dự kiến hỗ trợ học phí (theo giá cơ sở đào tạo) và chi phí ăn ở đi lại cho 40-45 học viên)

2.2. Dự kiến kinh phí lớp đào tạo sơ cấp Giám đốc HTX nông nghiệp: 273.000.000 đồng

(dự kiến hỗ trợ học phí (theo giá cơ sở đào tạo) và chi phí ăn ở đi lại cho 30 học viên)

3. Chi hỗ trợ cán bộ HTX tham gia đào tạo tại các trường CĐ, ĐH: 140.000.000 đồng

(dự kiến hỗ trợ học phí (theo giá cơ sở đào tạo) và chi phí ăn ở đi lại cho 5 - 10 học viên)